

Số: 122/QĐ-CDKTCN

Khánh Hòa, ngày 18 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công nhận danh hiệu và khen thưởng tập thể lớp, cá nhân học sinh sinh viên
Năm học 2024-2025**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT CÔNG NGHỆ NHA TRANG

Căn cứ Quyết định số 866/QĐ-CDKTCN ngày 06 tháng 5 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 1795/QĐ-CDKTCN ngày 14 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 260/QĐ-CDKTCN ngày 07 tháng 3 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang ban hành Quy định xét, cấp học bổng và khen thưởng học sinh, sinh viên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang;

Căn cứ Quyết định số 78/QĐ-CDKTCN ngày 01 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang về việc công nhận kết quả xếp loại rèn luyện học sinh, sinh viên năm học 2024-2025;

Căn cứ biên bản họp Hội đồng xét danh hiệu và khen thưởng tập thể lớp, cá nhân học sinh, sinh viên năm học 2024-2025 ngày 14 tháng 8 năm 2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản trị chất lượng-Học sinh, sinh viên.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận danh hiệu năm học 2024-2025 cho **25 tập thể lớp** và **678 học sinh, sinh viên**, cụ thể như sau :

1. Tập thể lớp:

- Đạt danh hiệu “Lớp Sinh viên tiên tiến” : 20 lớp
- Đạt danh hiệu “Lớp Học sinh tiên tiến” : 05 lớp

2. Cá nhân:

- Danh hiệu “Sinh viên Xuất sắc”: 01 sinh viên
- Danh hiệu “Học sinh Xuất sắc”: 01 học sinh
- Danh hiệu “Sinh viên Giỏi”: 81 sinh viên
- Danh hiệu “Học sinh Giỏi” : 46 học sinh
- Danh hiệu “Sinh viên Khá”: 424 sinh viên
- Danh hiệu “Học sinh Khá” : 125 học sinh

(Có danh sách kèm theo)

Điều 2. Khen thưởng

1. Tặng giấy khen và tiền thưởng cho **25** tập thể lớp được công nhận danh hiệu năm học 2024-2025 có tên tại Điều 1, cụ thể như sau:

- Danh hiệu “Lớp Sinh viên Tiên tiến” : 300.000đồng/lớp
- Danh hiệu “Lớp Học sinh Tiên tiến” : 300.000đồng/lớp

2. Tặng giấy khen và vở cho **678** học sinh, sinh viên được công nhận danh hiệu năm học 2024-2025 có tên tại Điều 1, cụ thể như sau:

- Danh hiệu “Sinh viên Xuất sắc”, “Học sinh Xuất sắc”: 15 quyển vở/HSSV
- Danh hiệu “Sinh viên Giỏi”, “Học sinh Giỏi”: 10 quyển vở/HSSV
- Danh hiệu “Sinh viên Khá”, “Học sinh Khá”: 05 quyển vở/HSSV

Điều 3. Trưởng phòng Quản trị chất lượng-Học sinh, sinh viên, Trưởng phòng Tổ chức-Tài chính, Trưởng phòng Đào tạo-Cơ sở vật chất, Trưởng các đơn vị liên quan và các tập thể lớp, học sinh, sinh viên có tên tại Điều 1 căn cứ quyết định thi hành./.

HIỆU TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Khoa, NGCN;
- Cổng thông tin điện tử trường;
- Cổng thông tin HSSV;
- Lưu: VT, TC-TC(02bản), ĐT-CSVT, QTCL-HSSV.

Ths. Nguyễn Văn Lực

UBND TỈNH KHÁNH HÒA
TRƯỜNG CAO ĐẲNG KỸ THUẬT
CÔNG NGHỆ NHA TRANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**DANH SÁCH CÔNG NHẬN DANH HIỆU VÀ KHEN THƯỞNG
TẬP THỂ LỚP, CÁ NHÂN HỌC SINH, SINH VIÊN
NĂM HỌC 2024-2025**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 122/QĐ-CDKTCN ngày 18 tháng 8 năm 2025 của
Hiệu trưởng Trường Cao đẳng Kỹ thuật Công nghệ Nha Trang)*

1. Tập thể

STT	Lớp	Tổng số HSSV	Số lượng danh hiệu HSSV				Danh hiệu	Khoa
			HSSV xuất sắc	HSSV Giỏi	HSSV Khá	Tỷ lệ		
1	CĐ-QTKS17	13		5	6	84,6%	Lớp Sinh viên tiên tiến	Khoa DL-MT
2	CĐ-CBTP17	14		3	6	64,3%	Lớp Sinh viên tiên tiến	Khoa DL-MT
3	CĐ-CBMA18	14		1	11	85,7%	Lớp Sinh viên tiên tiến	Khoa DL-MT
4	CĐ-HDDL18	5		1	4	100,0%	Lớp Sinh viên tiên tiến	Khoa DL-MT
5	CĐ-KTDN18	7	1	3	2	71,4%	Lớp Sinh viên tiên tiến	Khoa DL-MT
6	CĐ-QTKS18	18		3	10	72,2%	Lớp Sinh viên tiên tiến	Khoa DL-MT
7	TC-KTDN17	7		1	2	42,9%	Lớp Học sinh tiên tiến	Khoa DL-MT
8	TC-CBTP17	15	1	3	1	33,3%	Lớp Học sinh tiên tiến	Khoa DL-MT
9	TC-HDDL17	22		3	2	22,7%	Lớp Học sinh tiên tiến	Khoa DL-MT
10	TC-CBMA17B	21		6	2	38,1%	Lớp Học sinh tiên tiến	Khoa DL-MT
11	CĐ-CGKL16	12		2	10	100,0%	Lớp Sinh viên tiên tiến	Khoa Cơ khí
12	CĐ-CN0T16A	31		5	26	100,0%	Lớp Sinh viên tiên tiến	Khoa Cơ khí

13	CĐ-CN0T16B	29		4	21	86,2%	Lớp Sinh viên tiên tiến	Khoa Cơ khí
14	CĐ-CN0T16C	32		5	24	90,6%	Lớp Sinh viên tiên tiến	Khoa Cơ khí
15	CĐ-KTXD17	7		2	5	100,0%	Lớp Sinh viên tiên tiến	Khoa Cơ khí
16	CĐ-CN0T17A	33		1	16	51,5%	Lớp Sinh viên tiên tiến	Khoa Cơ khí
17	CĐ-CN0T17C	25		1	19	80,0%	Lớp Sinh viên tiên tiến	Khoa Cơ khí
18	CĐ-KTXD18	7		3	3	85,7%	Lớp Sinh viên tiên tiến	Khoa Cơ khí
19	TC-CN0T18B	29		2	8	34,5%	Lớp Học sinh tiên tiến	Khoa Cơ khí
20	CĐ-ĐCN16A	15		3	8	73,30%	Lớp Sinh viên tiên tiến	Khoa Đ-ĐT
21	CĐ-ĐĐT16	14		2	12	100,00%	Lớp Sinh viên tiên tiến	Khoa Đ-ĐT
22	CĐ-KTML17B	22		2	12	63,70%	Lớp Sinh viên tiên tiến	Khoa Đ-ĐT
23	CĐ-KTML18A	21		1	11	57,10%	Lớp Sinh viên tiên tiến	Khoa Đ-ĐT
24	CĐ-CNTT17A	29		6	20	89,70%	Lớp Sinh viên tiên tiến	Khoa Đ-ĐT
25	CĐ-ĐĐT17	17		2	10	70,60%	Lớp Sinh viên tiên tiến	Khoa Đ-ĐT

Danh sách này có 25 tập thể

2. Cá nhân

2.1 Hệ Trung cấp

STT	Họ và tên	Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện các môn nghề			Kết quả học tập, rèn luyện các môn văn hóa		Danh hiệu Học sinh	Khoa
			Điểm TBC học tập	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện		
A	B	C	D	E	F	G	H	I=E+F	J
1.	Trần Quang Bình	TC-CBMA18A	7,7	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
2.	Phan Nguyễn Hòa Như	TC-CBMA18A	7,2	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
3.	Phan Văn Minh	TC-CBMA18B	7,8	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT

STT	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện các môn nghề			Kết quả học tập, rèn luyện các môn văn hóa		Danh hiệu Học sinh	Khoa
				Điểm TBC học tập	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện		
A	B		C	D	E	F	G	H	I=E+F	J
4.	Lê Hoàng Anh	Tiến	TC-CBMA18B	7,5	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
5.	Nguyễn Ngọc	Vina	TC-CBMA18B	7,5	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
6.	Trần Huỳnh Kim	Hiền	TC-CBMA18B	7,3	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
7.	Phạm Hà Ngọc	Trân	TC-CBMA18B	7,1	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
8.	Nguyễn	Huy	TC-CBMA18C	7,9	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
9.	Nguyễn Thị Ngọc	Tuyết	TC-CBMA18C	7,5	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
10.	Trần Công	Danh	TC-CBMA18C	7,4	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
11.	Nguyễn Ngọc	Nhi	TC-CBMA18C	7,3	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
12.	Hà Huy	Thắng	TC-CBMA18C	7,2	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
13.	Nguyễn Hồ Thảo	Nguyên	TC-CBMA18D	8,0	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
14.	Trần Đức	Khiêm	TC-CBMA18D	7,8	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
15.	Nguyễn Huy	Hoàng	TC-CBMA18D	7,7	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
16.	Võ Hữu Nhất	Phong	TC-CBMA18D	7,3	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
17.	Lê Huỳnh Bảo	Trân	TC-CBMA18D	7,3	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
18.	Nguyễn Hoàng Bảo	Hân	TC-CBMA18D	7,2	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
19.	Dương Tấn	Kiệt	TC-CBMA18D	7,1	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
20.	Nguyễn Kim	Anh	TC-CBTP18	7,9	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
21.	Thiều Thanh	Vinh	TC-CBTP18	7,5	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT

STT	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện các môn nghề			Kết quả học tập, rèn luyện các môn văn hóa		Danh hiệu Học sinh	Khoa
				Điểm TBC học tập	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện		
A	B		C	D	E	F	G	H	I=E+F	J
22.	Võ Trương Mai Xuân	Nguyệt	TC-HDDL18A	7,7	Khá	Tốt	Tốt	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
23.	Đỗ Thị Tường	Vy	TC-HDDL18A	7,7	Khá	Tốt	Tốt	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
24.	Võ Phạm Quỳnh	Như	TC-HDDL18A	7,6	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
25.	Nguyễn Nhật Hải	Triều	TC-HDDL18A	7,4	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
26.	Trần	Sang	TC-HDDL18A	7,3	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
27.	Đieu Nhật Hân	Di	TC-HDDL18A	7,2	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
28.	Lý Kiều Đăng	Khoa	TC-HDDL18A	7,2	Khá	Tốt			HS Khá	Khoa DL-MT
29.	Huỳnh Thị Minh	Thư	TC-HDDL18A	7,2	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
30.	Nguyễn Gia	Kiên	TC-HDDL18A	7,1	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
31.	Nguyễn Huỳnh Bảo	Trân	TC-HDDL18A	7,1	Khá	Tốt	Tốt	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
32.	Nguyễn Đăng	Khôi	TC-HDDL18A	7,0	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
33.	Nguyễn Bảo Minh	Anh	TC-HDDL18B	8,1	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
34.	Dương Trần Khánh	Trân	TC-HDDL18B	7,8	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
35.	Hồng Hương	Xuân	TC-HDDL18B	7,6	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
36.	Phan Nguyễn Bảo	Uyên	TC-HDDL18B	7,5	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
37.	Trần Thị Trà	My	TC-HDDL18B	7,3	Khá	Tốt			HS Khá	Khoa DL-MT
38.	Phạm Yến	Nhi	TC-HDDL18B	7,1	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
39.	Nguyễn Hoài Khánh	Ly	TC-NVNH18	7,8	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT

STT	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện các môn nghề			Kết quả học tập, rèn luyện các môn văn hóa		Danh hiệu Học sinh	Khoa
				Điểm TBC học tập	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện		
A	B		C	D	E	F	G	H	I=E+F	J
40.	Nguyễn Thị Thanh	Tuyền	TC-NVNH18	7,8	Khá	Tốt			HS Khá	Khoa DL-MT
41.	Nguyễn Phạm Khánh	Ngân	TC-NVNH18	7,6	Khá	Khá	Khá	Khá	HS Khá	Khoa DL-MT
42.	Nguyễn Châu Trang	Đài	TC-NVNH18	7,5	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
43.	Đỗ Nhật Tuệ	Anh	TC-NVNH18	7,2	Khá	Khá	Khá	Khá	HS Khá	Khoa DL-MT
44.	Đỗ Thị Ngọc	Ánh	TC-QTKS18A	7,9	Khá	Khá	Khá	Khá	HS Khá	Khoa DL-MT
45.	Nguyễn Võ Thiên	Thanh	TC-QTKS18A	7,7	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
46.	Lê Nhật Mỹ	Duyên	TC-QTKS18A	7,4	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
47.	Thái Hoàng Minh	Châu	TC-QTKS18A	7,2	Khá	Khá	Khá	Khá	HS Khá	Khoa DL-MT
48.	Phan Ngọc Bảo	Hân	TC-QTKS18B	8,4	Giỏi	Tốt	Tốt	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
49.	Nguyễn Thị Kim	Nghi	TC-QTKS18B	8,1	Giỏi	Tốt	Tốt	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
50.	Trịnh Quỳnh	Anh	TC-QTKS18B	8,0	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
51.	Đào Quỳnh	Như	TC-QTKS18B	7,7	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
52.	Đồng Minh	Hà	TC-QTKS18B	7,6	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
53.	Phan Hạ	Trang	TC-QTKS18B	7,6	Khá	Tốt	Khá	Khá	HS Khá	Khoa DL-MT
54.	Lê Trần Thanh	Hân	TC-QTKS18B	7,5	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
55.	Nguyễn Đăng	Khôi	TC-QTKS18B	7,3	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
56.	Phạm Ngọc	Anh	TC-CNOT18A	7.6	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
57.	Trần Thành	Đạt	TC-CNOT18A	7.2	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí

STT	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện các môn nghề			Kết quả học tập, rèn luyện các môn văn hóa		Danh hiệu Học sinh	Khoa
				Điểm TBC học tập	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện		
A	B		C	D	E	F	G	H	I=E+F	J
58.	Nguyễn Quốc	Hải	TC-CN0T18A	7.4	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
59.	Nguyễn Văn	Hiếu	TC-CN0T18A	7.2	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
60.	Dương Ngọc	Hòa	TC-CN0T18A	7.7	Khá	Tốt	Tốt	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
61.	Nguyễn Huỳnh Chí	Khang	TC-CN0T18A	7.9	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
62.	Trần Gia	Khang	TC-CN0T18A	7.4	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
63.	Phạm Nguyễn Hoàng	Quý	TC-CN0T18A	7.3	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
64.	Trương Nguyễn Gia	Tuấn	TC-CN0T18A	8.2	Giỏi	Tốt	Tốt	Tốt	HS Giỏi	Khoa Cơ khí
65.	Lâm Thiên	Vũ	TC-CN0T18A	7.3	Khá	Khá	Khá	Khá	HS Khá	Khoa Cơ khí
66.	Trần Nhật Bảo	Nguyên	TC-CN0T18B	7.7	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
67.	Ngô Trọng	Thành	TC-CN0T18B	7.3	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
68.	Nguyễn Ngọc Bảo	Châu	TC-CN0T18B	7.1	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
69.	Trần Minh	Đạt	TC-CN0T18C	8.1	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
70.	Võ Văn	Vương	TC-CN0T18C	7.7	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
71.	Lưu Anh	Tuấn	TC-CN0T18C	7.6	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
72.	Nguyễn Duy	Nhân	TC-CN0T18C	7.4	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
73.	Nguyễn Huỳnh Trúc	Lâm	TC-CN0T18C	7.3	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
74.	Huỳnh Diệp Thái	Son	TC-CN0T18C	7.3	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
75.	Đỗ Khắc	Trọng	TC-CN0T18C	7.2	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí

STT	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện các môn nghề			Kết quả học tập, rèn luyện các môn văn hóa		Danh hiệu Học sinh	Khoa
				Điểm TBC học tập	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện		
A	B		C	D	E	F	G	H	I=E+F	J
76.	Lê Hồng Thanh	Việt	TC-CN0T18C	7.2	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
77.	Nguyễn Hữu	Hiếu	TC-CNTT18A	7,7	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Đ-ĐT
78.	Nguyễn Văn	Hoàng	TC-CNTT18A	7,5	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Đ-ĐT
79.	Đoàn Ngọc Bảo	Thịnh	TC-CNTT18A	7,6	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Đ-ĐT
80.	Lê Thị Ngọc	Hải	TC-CNTT18B	7,8	Khá	Tốt	Tốt	Tốt	HS Khá	Khoa Đ-ĐT
81.	Nguyễn Phúc An	Khang	TC-CNTT18B	7,7	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Đ-ĐT
82.	Lê Tấn	Quân	TC-CNTT18B	7,4	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Đ-ĐT
83.	Phan Quốc Thái	Bình	TC-ĐĐT18	8,1	Giỏi	Tốt	Tốt	Tốt	HS Giỏi	Khoa Đ-ĐT
84.	Nguyễn Duy	Khánh	TC-ĐĐT18	7,0	Khá	Tốt	Khá	Khá	HS Khá	Khoa Đ-ĐT
85.	Lương Cao Quốc	Việt	TC-KTML18B	7,3	Khá	Khá	Khá	Khá	HS Khá	Khoa Đ-ĐT
86.	Nguyễn Thanh	Hòa	TC-KTML18B	7,0	Khá	Tốt	Khá	Khá	HS Khá	Khoa Đ-ĐT
87.	Ngô Tấn Thành	Nam	TC-KTML18B	7,0	Khá	Khá	Khá	Khá	HS Khá	Khoa Đ-ĐT
88.	Nguyễn Anh	Duy	TC-CN0T17A	7.0	Khá	Khá	Khá	Khá	HS Khá	Khoa Cơ khí
89.	Huỳnh Nhật	Minh	TC-CN0T17A	7.9	Khá	Tốt	Tốt	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
90.	Nguyễn Trương Bảo	Nguyên	TC-CN0T17A	8.3	Tốt	Tốt	Tốt	Tốt	HS Giỏi	Khoa Cơ khí
91.	Phùng Thế	Nhất	TC-CN0T17A	7.4	Khá	Khá	Khá	Khá	HS Khá	Khoa Cơ khí
92.	Trần Tuấn	Vũ	TC-CN0T17A	7.5	Khá	Tốt	Tốt	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
93.	Nguyễn Hải	Anh	TC-CN0T17B	7.1	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí

STT	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện các môn nghề			Kết quả học tập, rèn luyện các môn văn hóa		Danh hiệu Học sinh	Khoa
				Điểm TBC học tập	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện		
A	B		C	D	E	F	G	H	I=E+F	J
94.	Trần Huỳnh Tuấn	Anh	TC-CN0T17B	7.6	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
95.	Võ Thành	Đức	TC-CN0T17B	7.8	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
96.	Cao Minh	Lợi	TC-CN0T17B	8.2	Giỏi	Tốt	Tốt	Tốt	HS Giỏi	Khoa Cơ khí
97.	Huỳnh Hùng	Khải	TC-CN0T17B	7.0	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
98.	Phan Tấn	Phong	TC-CN0T17B	8.0	Giỏi	Tốt	Tốt	Tốt	HS Giỏi	Khoa Cơ khí
99.	Trần Nguyễn Hồng	Phước	TC-CN0T17B	7.8	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
100.	Nguyễn Trần Đức	Tài	TC-CN0T17B	7.4	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
101.	Hoàng Minh	Thiên	TC-CN0T17B	7.5	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
102.	Nguyễn Đặng Thanh	Thoát	TC-CN0T17B	7.5	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
103.	Phạm Duy	Anh	TC-CN0T17C	7,6	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
104.	Nguyễn Ngọc Hải	Ân	TC-CN0T17C	7,8	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
105.	Đỗ Nguyễn Tấn	Đạt	TC-CN0T17C	7,1	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
106.	Đinh Minh	Hiếu	TC-CN0T17C	7,5	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
107.	Từ Quốc	Huy	TC-CN0T17C	7,1	Khá	Khá			HS Khá	Khoa Cơ khí
108.	Nguyễn Trung	Khải	TC-CN0T17C	7,3	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
109.	Trần Đức	Khiêm	TC-CN0T17C	7,6	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
110.	Nguyễn Anh	Khoa	TC-CN0T17C	7,5	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
111.	Lê Phước Đức	Tài	TC-CN0T17C	7,5	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí

STT	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện các môn nghề			Kết quả học tập, rèn luyện các môn văn hóa		Danh hiệu Học sinh	Khoa
				Điểm TBC học tập	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện		
A	B		C	D	E	F	G	H	I=E+F	J
112.	Lê Vũ Minh	Tâm	TC-CN0T17C	7,5	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
113.	Nguyễn Ngọc	Tý	TC-CN0T17C	8,2	Giỏi	Tốt	Tốt	Tốt	HS Giỏi	Khoa Cơ khí
114.	Đặng Hưng	Thịnh	TC-CN0T17C	7,7	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
115.	Lê Anh	Vũ	TC-CN0T17C	7,6	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Cơ khí
116.	Đinh Tiến	Đạt	TC-KTML17A	7,1	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa Đ-ĐT
117.	Nguyễn Văn Thiện	Trí	TC-KTML17A	7,0	Khá	Tốt	Tốt	Tốt	HS Khá	Khoa Đ-ĐT
118.	Nguyễn Hữu Tài	Chính	TC-ĐCN17	7,1	Khá	Tốt	Khá	Khá	HS Khá	Khoa Đ-ĐT
119.	Nguyễn Thành	Nam	TC-ĐCN17	8,5	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa Đ-ĐT
120.	Hồ Đắc	Trực	TC-ĐCN17	7,0	Khá	Tốt	Khá	Khá	HS Khá	Khoa Đ-ĐT
121.	Trương Hà	Liêm	TC-ĐCN17	7,6	Khá	Tốt			HS Khá	Khoa Đ-ĐT
122.	Nguyễn Đình	Đức	TC-CNTT17A	7.3	Khá	Tốt	Tốt	Khá	HS Khá	Khoa Đ-ĐT
123.	Lê Ngọc Gia	Mẫn	TC-CNTT17A	7.6	Khá	Tốt	Tốt	Khá	HS Khá	Khoa Đ-ĐT
124.	Trần Thanh	Son	TC-CNTT17A	7.0	Khá	Khá	Tốt	Khá	HS Khá	Khoa Đ-ĐT
125.	Ngô Quốc	Duy	TC-CNTT17B	7,9	Khá	Tốt	Tốt	Khá	HS Khá	Khoa Đ-ĐT
126.	Phạm Tiến	Quốc	TC-CNTT17B	7,7	Khá	Tốt	Tốt	Khá	HS Khá	Khoa Đ-ĐT
127.	Thái Bá	Long	TC-ĐĐT17	9,0	Xuất sắc	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa Đ-ĐT
128.	Nguyễn Hoàng	Minh	TC-ĐĐT17	8,3	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa Đ-ĐT
129.	Nguyễn Minh	Sáng	TC-ĐĐT17	8,3	Giỏi	Khá	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa Đ-ĐT

STT	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện các môn nghề			Kết quả học tập, rèn luyện các môn văn hóa		Danh hiệu Học sinh	Khoa
				Điểm TBC học tập	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện		
A	B		C	D	E	F	G	H	I=E+F	J
130.	Trần Thị Mỹ	Hạnh	TC-QTKS17A	7,9	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
131.	Võ Thị Kim	Phượng	TC-QTKS17A	8,0	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
132.	Đỗ Ngọc	Ánh	TC-QTKS17B	8,5	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
133.	Trần Thị Ngọc	Linh	TC-QTKS17B	8,3	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
134.	Đào Thanh	Mai	TC-QTKS17B	8,2	Giỏi	Tốt	Tốt	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
135.	Nguyễn Hoàng Bảo	Nhi	TC-QTKS17B	8,1	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
136.	Trần Thị Mỹ	Trang	TC-QTKS17B	8,5	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
137.	Lê Hoàng Gia	Hân	TC-KTDN17	7,7	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
138.	Cao Thị Quỳnh	Như	TC-KTDN17	7,7	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
139.	Nguyễn Ngọc Thiên	Phước	TC-KTDN17	8,0	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
140.	Phạm Thị Kim	Chi	TC-CBTP17	8,1	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
141.	Nguyễn Quốc	Dương	TC-CBTP17	8,8	Giỏi	Tốt	Tốt	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
142.	Nguyễn Thành	Lợi	TC-CBTP17	8,4	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
143.	Nguyễn Thị An	Miên	TC-CBTP17	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	Tốt	Tốt	HS Xuất sắc	Khoa DL-MT
144.	Nguyễn Ngọc Yến	Nhi	TC-CBTP17	7,8	Khá	Tốt	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
145.	Đặng Vũ	Khang	TC-HDDL17	7,8	Khá	Khá			HS Khá	Khoa DL-MT
146.	Nguyễn Duy	Khang	TC-HDDL17	7,5	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
147.	Lê Thị Nhã	Phương	TC-HDDL17	8,0	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT

STT	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện các môn nghề			Kết quả học tập, rèn luyện các môn văn hóa		Danh hiệu Học sinh	Khoa
				Điểm TBC học tập	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện		
A	B		C	D	E	F	G	H	I=E+F	J
148.	Lương Thành	Tài	TC-HDDL17	8,4	Giỏi	Tốt	Tốt	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
149.	Nguyễn Thị	Trúc	TC-HDDL17	8,1	Giỏi	Tốt	Tốt	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
150.	Lê Trần Bảo	An	TC-NVNH17	8,2	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
151.	Nguyễn Thị Kim	Luyến	TC-NVNH17	8,2	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
152.	Huỳnh Khánh	Ngân	TC-NVNH17	8,2	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
153.	Nguyễn Thị Thanh	Phương	TC-NVNH17	8,2	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
154.	Đặng Phương	Trang	TC-NVNH17	8,2	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
155.	Nguyễn Thị Thùy	Vân	TC-NVNH17	8,4	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
156.	Phạm Ngô Tường	Vy	TC-NVNH17	8,0	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
157.	Bùi Bích	Duyên	TC-CBMA17A	8,3	Giỏi	Tốt	Khá	Khá	HS Giỏi	Khoa DL-MT
158.	Phạm Gia	Huy	TC-CBMA17A	8,5	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
159.	Trần Như	Quỳnh	TC-CBMA17A	8,4	Giỏi	Khá	Khá	Khá	HS Khá	Khoa DL-MT
160.	Đào Nhật	Vy	TC-CBMA17A	8,5	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
161.	Dương Thanh	Hà	TC-CBMA17B	8,5	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
162.	Nguyễn Việt Ngọc	Khuê	TC-CBMA17B	8,4	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
163.	Nguyễn Vũ Quốc	Phong	TC-CBMA17B	8,3	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
164.	Trần Minh	Phước	TC-CBMA17B	7,4	Khá	Khá	Khá	Khá	HS Khá	Khoa DL-MT
165.	Hoàng Anh	Quân	TC-CBMA17B	7,7	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT

STT	Họ và tên	Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện các môn nghề			Kết quả học tập, rèn luyện các môn văn hóa		Danh hiệu Học sinh	Khoa
			Điểm TBC học tập	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện	Xếp loại học tập	Xếp loại rèn luyện		
A	B	C	D	E	F	G	H	I=E+F	J
166.	Lê Thanh Thùy	TC-CBMA17B	8,1	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
167.	Trần Ngọc Thanh Thủy	TC-CBMA17B	8,2	Giỏi	Tốt	Tốt	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
168.	Lê Cẩm Tiên	TC-CBMA17B	8,4	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
169.	Trương Quang Đạt	TC-CBMA17C	8,3	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT
170.	Nguyễn Hữu Đức	TC-CBMA17C	7,7	Khá	Khá	Khá	Tốt	HS Khá	Khoa DL-MT
171.	Lê Minh Huy	TC-CBMA17C	7,1	Khá	Khá	Khá	Khá	HS Khá	Khoa DL-MT
172.	Lê Phan Yên Nhi	TC-CBMA17C	8,7	Giỏi	Tốt	Khá	Tốt	HS Giỏi	Khoa DL-MT

Danh sách này có 172 học sinh

Trong đó:

Học sinh Xuất sắc: 01 học sinh

Học sinh Giỏi: 46 học sinh

Học sinh Khá: 125 học sinh

2.2. Hệ Cao đẳng

Stt	Họ và tên	Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
			ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B	C	D	E	F	I=E+F	J
1.	Nguyễn Nhật Phát	CĐ-ĐCN16A	8,5	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
2.	Nguyễn Văn Hải	CĐ-ĐCN16A	8,4	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
3.	Nguyễn Văn Tài	CĐ-ĐCN16A	8,1	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT

Stt	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
				ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B		C	D	E	F	I=E+F	J
4.	Nguyễn Tiến	Sang	CĐ-ĐCN16A	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
5.	Tổng Trần	Việt	CĐ-ĐCN16A	7,6	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
6.	Nguyễn Quốc	Khánh	CĐ-ĐCN16A	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
7.	Trần Gia	Khôi	CĐ-ĐCN16A	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
8.	Trần Đình	Hồng	CĐ-ĐCN16A	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
9.	Hồ Anh	Thiên	CĐ-ĐCN16A	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
10.	Nguyễn Tuấn	Minh	CĐ-ĐCN16A	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
11.	Nguyễn Minh	Thuận	CĐ-ĐCN16A	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
12.	Nguyễn Hoàng	Khương	CĐ-ĐCN16B	8,2	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
13.	Nguyễn Phước	Thiện	CĐ-ĐCN16B	8,1	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
14.	Trần Vinh	Quang	CĐ-ĐCN16B	7,9	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
15.	Trần Duy	Trung	CĐ-ĐCN16B	7,9	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
16.	Phạm Hữu	Phú	CĐ-ĐCN16B	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
17.	Phạm Văn	Minh	CĐ-ĐCN16B	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
18.	Phan Văn	Giáp	CĐ-ĐCN16B	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
19.	Lê Hữu	Quốc	CĐ-ĐCN16B	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
20.	Lê Đức	Duy	CĐ-ĐCN16B	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
21.	Lê Huỳnh	Trí	CĐ-ĐCN16B	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT

Stt	Họ và tên	Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
			ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B	C	D	E	F	I=E+F	J
22.	Trần Hiệp Hưng	CĐ-ĐCN16B	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
23.	Phan Minh Khôi	CĐ-ĐCN16B	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
24.	Nguyễn Ngọc Bảo Long	CĐ-ĐCN16B	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
25.	Lương Minh Trà	CĐ-ĐCN16B	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
26.	Lê Hữu Quốc Trung	CĐ-ĐCN16B	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
27.	Nguyễn Tuấn Vũ	CĐ-ĐCN16B	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
28.	Tổng Hữu Phúc	CĐ-ĐĐT16	8,5	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
29.	Lê Đình Đức	CĐ-ĐĐT16	8,1	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
30.	Nguyễn Tiến Hưng	CĐ-ĐĐT16	7,9	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
31.	Nguyễn Minh Thanh	CĐ-ĐĐT16	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
32.	Huỳnh Thanh Hưng	CĐ-ĐĐT16	7,6	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
33.	Lương Công Đại	CĐ-ĐĐT16	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
34.	Ngô Thanh Độ	CĐ-ĐĐT16	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
35.	Phạm Văn Huy	CĐ-ĐĐT16	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
36.	Trần Nguyễn Đức Huy	CĐ-ĐĐT16	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
37.	Lê Ngọc Khanh	CĐ-ĐĐT16	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
38.	Nguyễn Trọng Khôi	CĐ-ĐĐT16	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
39.	Nguyễn Mậu Minh Quang	CĐ-ĐĐT16	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT

Stt	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
				ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B		C	D	E	F	I=E+F	J
40.	Bo Bo	Nam	CĐ-ĐĐT16	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
41.	Nguyễn Thanh	Quý	CĐ-ĐĐT16	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
42.	Trịnh Đặng Minh	Thắng	CĐ-KTML16B	8,0	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
43.	Huỳnh	Được	CĐ-KTML16B	7,6	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
44.	Đặng Văn	Hòa	CĐ-KTML16B	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
45.	Đặng Trung	Thân	CĐ-KTML16A	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
46.	Võ	Ti	CĐ-KTML16A	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
47.	Đặng Trung	Thương	CĐ-KTML16A	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
48.	Lê Đức	Cường	CĐ-KTML16B	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
49.	Hoàng Ngọc	Phi	CĐ-KTML16B	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
50.	Lê Quang Quốc	Đạt	CĐ-CGKL16	8,6	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
51.	Phan Chánh	Tín	CĐ-CGKL16	8,5	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
52.	Trần Quốc	Thanh	CĐ-CGKL16	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
53.	Ngô Lê Nguyễn	Duy	CĐ-CGKL16	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
54.	Phạm Trung	Hậu	CĐ-CGKL16	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
55.	Võ Trung	Kiệt	CĐ-CGKL16	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
56.	Lê Đức	Minh	CĐ-CGKL16	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
57.	Nguyễn Ngọc	Phú	CĐ-CGKL16	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí

Stt	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
				ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B		C	D	E	F	I=E+F	J
58.	Trương Thành	Lập	CĐ-CGKL16	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
59.	Lê Anh	Tài	CĐ-CGKL16	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
60.	Lê Đông	Quý	CĐ-CGKL16	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
61.	Bùi Trịnh	Thành	CĐ-CGKL16	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
62.	Huỳnh Minh	Trí	CĐ-CNOT16A	8,6	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
63.	Hồ Mạnh	Tường	CĐ-CNOT16A	8,4	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
64.	Nguyễn Ngọc	Tây	CĐ-CNOT16A	8,4	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
65.	Bành Thanh	Hùng	CĐ-CNOT16A	8,2	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
66.	Nguyễn Toàn	Thắng	CĐ-CNOT16A	8,2	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
67.	Mai	Suzuki	CĐ-CNOT16A	7,9	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
68.	Huỳnh Hồ Minh	Khôi	CĐ-CNOT16A	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
69.	Phạm Hữu	Thiện	CĐ-CNOT16A	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
70.	Trần Trọng	Quốc	CĐ-CNOT16A	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
71.	Lâm Thị Thùy	Trang	CĐ-CNOT16A	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
72.	Hoàng	Quỳnh	CĐ-CNOT16A	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
73.	Võ Lê Trọng	Nghĩa	CĐ-CNOT16A	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
74.	Nguyễn Tiến	Thành	CĐ-CNOT16A	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
75.	Bùi Minh	Hải	CĐ-CNOT16A	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí

Stt	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
				ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B		C	D	E	F	I=E+F	J
76.	Nguyễn Văn Đạt		CD-CNOT16A	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
77.	Huỳnh Quốc Cường		CD-CNOT16A	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
78.	Bùi Thái Phú		CD-CNOT16A	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
79.	Trần Thanh Trung		CD-CNOT16A	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
80.	Bùi Quốc Dũng		CD-CNOT16A	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
81.	Nguyễn Tấn Vin		CD-CNOT16A	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
82.	Bùi Khánh Hòa		CD-CNOT16A	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
83.	Nguyễn Trọng Quốc Huy		CD-CNOT16A	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
84.	Phan Đăng Khôi		CD-CNOT16A	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
85.	Huỳnh Quang Chương		CD-CNOT16A	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
86.	Võ Thành Duy		CD-CNOT16A	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
87.	Nguyễn Trọng Tín		CD-CNOT16A	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
88.	Mạc Mạnh Quỳnh		CD-CNOT16A	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
89.	Lương Anh Duy		CD-CNOT16A	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
90.	Trần Minh Cảnh		CD-CNOT16A	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
91.	Lê Tấn Phúc		CD-CNOT16A	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
92.	Nguyễn Tuấn Lợi		CD-CNOT16A	7,2	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
93.	Huỳnh Tiến Đạt		CD-CNOT16B	8,3	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí

Stt	Họ và tên	Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
			ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B	C	D	E	F	I=E+F	J
94.	Phan Hải	CĐ-CN0T16B	8,1	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
95.	Lý Văn Vững	CĐ-CN0T16B	8,0	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
96.	Trần Ngọc Bảo	CĐ-CN0T16B	8,0	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
97.	Phạm Nguyễn Văn Hoài Anh	CĐ-CN0T16B	7,9	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
98.	Trần Vũ Anh Minh	CĐ-CN0T16B	7,8	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
99.	Nguyễn Đức Toàn	CĐ-CN0T16B	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
100.	Đặng Việt Đức	CĐ-CN0T16B	7,6	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
101.	Nguyễn Thành Long	CĐ-CN0T16B	7,6	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
102.	Nguyễn Văn Lợi	CĐ-CN0T16B	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
103.	Nguyễn Hóa Phúc	CĐ-CN0T16B	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
104.	Nguyễn Chí Cường	CĐ-CN0T16B	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
105.	Nguyễn Đức Nhật Truân	CĐ-CN0T16B	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
106.	Huỳnh Xuân Thân	CĐ-CN0T16B	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
107.	Nguyễn Thành Tài	CĐ-CN0T16B	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
108.	Nguyễn Trần Trung Nam	CĐ-CN0T16B	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
109.	Bùi Quốc Huy	CĐ-CN0T16B	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
110.	Đặng Quốc Chung	CĐ-CN0T16B	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
111.	Ngô Đăng Khôi	CĐ-CN0T16B	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí

Stt	Họ và tên	Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
			ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B	C	D	E	F	I=E+F	J
112.	Nguyễn Hữu Thuận	CĐ-CNOT16B	7,1	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
113.	Nguyễn Huy Hoàng	CĐ-CNOT16B	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
114.	Dương Đình Tâm	CĐ-CNOT16B	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
115.	Đỗ Nguyễn Hưng	CĐ-CNOT16B	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
116.	Nguyễn Hoàng Luân	CĐ-CNOT16B	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
117.	Ngô Minh Được	CĐ-CNOT16B	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
118.	Tôn Sỹ Hào	CĐ-CNOT16C	8,6	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
119.	Đặng Đức Quang	CĐ-CNOT16C	8,5	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
120.	Trương Hoàng Phong Phú	CĐ-CNOT16C	8,2	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
121.	Huỳnh Tiến Khoa	CĐ-CNOT16C	8,1	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
122.	Hoàng Văn Mẫn	CĐ-CNOT16C	8,0	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
123.	Trần Thái Hoàng	CĐ-CNOT16C	7,7	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
124.	Vũ Hoàng Gia Nhật	CĐ-CNOT16C	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
125.	Kiều Anh Duy	CĐ-CNOT16C	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
126.	Nguyễn Minh Quyền	CĐ-CNOT16C	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
127.	Nguyễn Hồng Sơn	CĐ-CNOT16C	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
128.	Nguyễn Quốc Thắng	CĐ-CNOT16C	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
129.	Đinh Đức Khương	CĐ-CNOT16C	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí

Stt	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
				ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B		C	D	E	F	I=E+F	J
130.	Tô Thành Tài		CĐ-CN0T16C	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
131.	Nguyễn Ngọc Thiện		CĐ-CN0T16C	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
132.	Nguyễn Trần Thiên Văn		CĐ-CN0T16C	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
133.	Dương Quốc Cường		CĐ-CN0T16C	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
134.	Trương Huỳnh Phát		CĐ-CN0T16C	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
135.	Trần Nguyễn Hoàng Phúc		CĐ-CN0T16C	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
136.	Nguyễn Minh Huy		CĐ-CN0T16C	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
137.	Mai Đặng Trung		CĐ-CN0T16C	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
138.	Mai Thiên Triệu		CĐ-CN0T16C	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
139.	Nguyễn Văn Cường		CĐ-CN0T16C	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
140.	Nguyễn Quốc Vũ		CĐ-CN0T16C	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
141.	Nguyễn Minh Hiếu		CĐ-CN0T16C	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
142.	Hồ Đăng Trung		CĐ-CN0T16C	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
143.	Lê Trương Quân		CĐ-CN0T16C	7,1	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
144.	Phạm Minh Tuấn		CĐ-CN0T16C	7,1	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
145.	Nguyễn Đoàn Vân		CĐ-CN0T16C	7,0	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
146.	Võ Thành Nhân		CĐ-CN0T16C	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
147.	Quách Thị Thái Hà		CĐ-CBMA17	8,4	Giỏi	Xuất sắc	SV Giỏi	Khoa DL-MT

Stt	Họ và tên	Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
			ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B	C	D	E	F	I=E+F	J
148.	Nguyễn Trương Thành	CĐ-CBMA17	8,4	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
149.	Nguyễn Văn Trọng	CĐ-CBMA17	8,3	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
150.	Thị Linh	CĐ-CBMA17	8,1	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
151.	Nguyễn Trịnh Ngọc Thảo	CĐ-CBMA17	8,0	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
152.	Mẫu Thị Yến Vi	CĐ-CBMA17	8,0	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
153.	Mang Thị Kim Xuân	CĐ-CBMA17	8,0	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
154.	Nguyễn Tấn Đức	CĐ-CBMA17	7,9	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
155.	Phan Thị Ngọc Trúc	CĐ-CBMA17	7,9	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
156.	Nguyễn Hải Đăng	CĐ-CBMA17	7,6	Khá	Khá	SV Khá	Khoa DL-MT
157.	Nguyễn Hoàng Khang	CĐ-CBMA17	7,6	Khá	Khá	SV Khá	Khoa DL-MT
158.	Nguyễn Công Lộc	CĐ-CBMA17	7,6	Khá	Khá	SV Khá	Khoa DL-MT
159.	Bùi Văn Tài	CĐ-CBMA17	7,6	Khá	Khá	SV Khá	Khoa DL-MT
160.	Nguyễn Tiến Lộc	CĐ-CBMA17	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa DL-MT
161.	Dương Văn Minh Thuận	CĐ-CBMA17	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa DL-MT
162.	Huỳnh Võ Nhật Tú	CĐ-CBMA17	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa DL-MT
163.	Trần Thị Mỹ Hào	CĐ-CBTP17	8,3	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
164.	Phan Thị Ánh Sương	CĐ-CBTP17	8,2	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
165.	Võ Anh Thuận	CĐ-CBTP17	8,0	Giỏi	Xuất sắc	SV Giỏi	Khoa DL-MT

Stt	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
				ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B		C	D	E	F	I=E+F	J
166.	Huỳnh Trung	Huy	CĐ-CBTP17	7,9	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
167.	Nguyễn Văn	Thuận	CĐ-CBTP17	7,8	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
168.	Nguyễn Thị Trúc	Ly	CĐ-CBTP17	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
169.	Trần Tấn	Phát	CĐ-CBTP17	7,6	Khá	Khá	SV Khá	Khoa DL-MT
170.	Ngô Hùng	Chiến	CĐ-CBTP17	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa DL-MT
171.	Phan Thiên	Tuyên	CĐ-CBTP17	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa DL-MT
172.	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	CĐ-KTDN17	8,2	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
173.	Hồ Thị Anh	Thư	CĐ-KTDN17	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
174.	Cao Mạnh	Dũng	CĐ-QTKS17	8,3	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
175.	Nguyễn Hoàng	Long	CĐ-QTKS17	8,2	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
176.	Hoàng Nguyễn Lan	Phương	CĐ-QTKS17	8,2	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
177.	Cao Vũ Tú	Uyên	CĐ-QTKS17	8,2	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
178.	Trần Thị Mỹ	Thanh	CĐ-QTKS17	8,1	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
179.	Nguyễn Công	Tứ	CĐ-QTKS17	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
180.	Lê Thanh	Bình	CĐ-QTKS17	7,6	Khá	Khá	SV Khá	Khoa DL-MT
181.	Trương Đức	Lộc	CĐ-QTKS17	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa DL-MT
182.	Trần Trung	Thức	CĐ-QTKS17	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
183.	Nguyễn Ngọc	Tiên	CĐ-QTKS17	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa DL-MT

Stt	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
				ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B		C	D	E	F	I=E+F	J
184.	Lê Gia Bảo	Nguyễn	CĐ-QTKS17	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa DL-MT
185.	Nguyễn Công	Lý	CĐ-ĐCN17A	8,1	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
186.	Trương Thanh	Tuấn	CĐ-ĐCN17A	8,1	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
187.	Mai Văn	Liêm	CĐ-ĐCN17A	8,0	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
188.	Phạm Lộc	Khang	CĐ-ĐCN17A	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
189.	Trần Minh	Quân	CĐ-ĐCN17A	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
190.	Võ Tấn Thành	Nhân	CĐ-ĐCN17A	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
191.	Trần Anh	Kiệt	CĐ-ĐCN17A	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
192.	Phạm Kiều	Tiên	CĐ-ĐCN17B	8,4	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
193.	Võ Văn	Cảnh	CĐ-ĐCN17B	8,0	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
194.	Phạm Hữu	Thắng	CĐ-ĐCN17B	7,8	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
195.	Trần	Hiếu	CĐ-ĐCN17B	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
196.	Lê Nguyễn Thành	Đạt	CĐ-ĐCN17B	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
197.	Nguyễn Hữu	Tâm	CĐ-ĐCN17B	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
198.	Phạm Trung	Kiên	CĐ-ĐCN17B	7,2	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
199.	Nguyễn Quốc	Chí	CĐ-ĐCN17B	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
200.	Nguyễn Phi	Hùng	CĐ-ĐCN17B	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
201.	Trần	Son	CĐ-ĐCN17B	7,1	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT

Stt	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
				ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B		C	D	E	F	I=E+F	J
202.	Võ Châu Tuấn	Kiệt	CĐ-ĐCN17B	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
203.	Nguyễn Quốc	Việt	CĐ-KTML17A	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
204.	Lý Phi	Lục	CĐ-KTML17A	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
205.	Phan Đăng Hoàng	Son	CĐ-KTML17A	7,2	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
206.	Nguyễn Minh	Đức	CĐ-KTML17A	7,0	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
207.	Phạm Văn	Tường	CĐ-KTML17B	8,1	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
208.	Nguyễn Thành Bảo	Huân	CĐ-KTML17B	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
209.	Nguyễn Lê Bảo	Tài	CĐ-KTML17B	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
210.	Nguyễn Văn	Hòa	CĐ-KTML17B	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
211.	Huỳnh Tấn	Phong	CĐ-KTML17B	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
212.	Trần Văn	Kỳ	CĐ-KTML17B	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
213.	Hoàng Minh	Phong	CĐ-KTML17B	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
214.	Nguyễn Thành	Phú	CĐ-KTML17B	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
215.	Phạm Hoàng	Thành	CĐ-KTML17B	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
216.	Võ	Triều	CĐ-KTML17B	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
217.	Lê Đức	Việt	CĐ-KTML17B	7,1	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
218.	Mai Nguyễn Minh	Anh	CĐ-KTML17B	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
219.	Lê Nguyễn	Thành	CĐ-KTML17B	8,0	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT

Stt	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
				ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B		C	D	E	F	I=E+F	J
220.	Nguyễn Hữu	Trung	CĐ-KTML17B	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
221.	Trần Minh	Phước	CĐ-ĐĐT17	8,1	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
222.	Hồ Nguyễn Hoài	Nam	CĐ-ĐĐT17	8,0	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
223.	Phan Anh	Thắng	CĐ-ĐĐT17	7,8	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
224.	Huỳnh Lâm	Huy	CĐ-ĐĐT17	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
225.	Nguyễn	Phong	CĐ-ĐĐT17	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
226.	Lê Minh	Quyền	CĐ-ĐĐT17	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
227.	Trần Minh	Trung	CĐ-ĐĐT17	7,2	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
228.	Trần Ngọc Duy	Luân	CĐ-ĐĐT17	7,1	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
229.	Trương Thành	Công	CĐ-ĐĐT17	7,0	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
230.	Phạm Đức	Hiếu	CĐ-ĐĐT17	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
231.	Phan Hoàng	Khang	CĐ-ĐĐT17	7,0	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
232.	Phan Huy	Thuận	CĐ-ĐĐT17	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
233.	Đặng Thông	Nghĩa	CĐ-CNTT17A	8,6	Giỏi	Xuất sắc	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
234.	Nguyễn Trần Tiến	Anh	CĐ-CNTT17A	8,4	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
235.	Hà Văn	Tân	CĐ-CNTT17A	8,3	Giỏi	Xuất sắc	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
236.	Trần Huỳnh Huy	Thông	CĐ-CNTT17A	8,3	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
237.	Võ Quốc	Sự	CĐ-CNTT17A	8,1	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT

Stt	Họ và tên	Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
			ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B	C	D	E	F	I=E+F	J
238.	Mai Hoàng Anh	CĐ-CNTT17A	8,0	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
239.	Đoàn Phạm Tấn Dũng	CĐ-CNTT17A	7,9	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
240.	Lê Trần Bình Dương	CĐ-CNTT17A	7,8	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
241.	Ký Hải Đăng	CĐ-CNTT17A	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
242.	Lê Văn Thành	CĐ-CNTT17A	7,7	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
243.	Nguyễn Phi Hùng	CĐ-CNTT17A	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
244.	Phạm Trương Đức Thiên	CĐ-CNTT17A	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
245.	Phạm Minh Thịnh	CĐ-CNTT17A	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
246.	Nguyễn Đức Trung	CĐ-CNTT17A	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
247.	Cao Đẹp	CĐ-CNTT17A	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
248.	Hoàng Trung Hải	CĐ-CNTT17A	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
249.	Lê Văn Huy	CĐ-CNTT17A	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
250.	Võ Gia Bảo	CĐ-CNTT17A	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
251.	Lưu Quốc Huy	CĐ-CNTT17A	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
252.	Nguyễn Trần Gia Phong	CĐ-CNTT17A	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
253.	So Hao Ha Mỹ Trân	CĐ-CNTT17A	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
254.	Nguyễn Thành Khôi	CĐ-CNTT17A	7,2	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
255.	Nguyễn Quốc Toàn	CĐ-CNTT17A	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT

Stt	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
				ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B		C	D	E	F	I=E+F	J
256.	Trương Minh	Danh	CĐ-CNTT17A	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
257.	Đặng Minh	Hoàng	CĐ-CNTT17A	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
258.	Lê Minh	Nhật	CĐ-CNTT17A	7	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
259.	Nguyễn Anh	Duy	CĐ-CNTT17B	8,5	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
260.	Ngô Anh	Kiệt	CĐ-CNTT17B	8,4	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
261.	Huỳnh Ngọc	Danh	CĐ-CNTT17B	7,9	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
262.	Võ Thành	Tuyên	CĐ-CNTT17B	7,8	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
263.	Lê Vũ Gia	Hào	CĐ-CNTT17B	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
264.	Nguyễn Ngọc Tùng	Dương	CĐ-CNTT17B	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
265.	Trần Nguyễn Văn	Huy	CĐ-CNTT17B	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
266.	Nguyễn Trọng	Hữu	CĐ-CNTT17B	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
267.	Nguyễn Lê Quốc	Bảo	CĐ-CNTT17B	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
268.	Huỳnh Tuấn	Huy	CĐ-CNTT17B	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
269.	Trần Phước	Lành	CĐ-CNTT17B	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
270.	Nguyễn Võ Duy	Tân	CĐ-CNTT17B	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
271.	Trịnh Quốc	Tuấn	CĐ-CNTT17B	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
272.	Nguyễn Trung	Bảo	CĐ-CNTT17B	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
273.	Đào Chấn	Nghiệp	CĐ-CNTT17B	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT

Stt	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
				ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B		C	D	E	F	I=E+F	J
274.	Nguyễn Phước Minh	Trí	CĐ-CNTT17B	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
275.	Nguyễn Thanh	Phi	CĐ-CNTT17B	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
276.	Phạm Khắc	Đạt	CĐ-KTXD17	8,2	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
277.	Phạm Quốc	Nguyên	CĐ-KTXD17	8,1	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
278.	Nguyễn Trường Việt	Dũng	CĐ-KTXD17	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
279.	Trần Nhật	Quang	CĐ-KTXD17	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
280.	Nguyễn Minh	Khoa	CĐ-KTXD17	7,1	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
281.	Nguyễn Lê Nhật	Huy	CĐ-KTXD17	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
282.	Nguyễn Việt	Nhân	CĐ-KTXD17	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
283.	Võ Văn	Ngo	CĐ-CNOT17A	8,0	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
284.	Lê Hữu	Toàn	CĐ-CNOT17A	7,9	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
285.	Lưu Thành	Công	CĐ-CNOT17A	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
286.	Huỳnh Nhật	Hiếu	CĐ-CNOT17A	7,7	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
287.	Trần Long	Vĩ	CĐ-CNOT17A	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
288.	Nguyễn Hoàng	Anh	CĐ-CNOT17A	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
289.	Hồ Lê Tiến	Đạt	CĐ-CNOT17A	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
290.	Trần Quang	Thành	CĐ-CNOT17A	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
291.	Nguyễn Chấn	Bảo	CĐ-CNOT17A	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí

Stt	Họ và tên	Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
			ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B	C	D	E	F	I=E+F	J
292.	Nguyễn Quốc Kha	CĐ-CNOT17A	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
293.	Quý Thịnh	CĐ-CNOT17A	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
294.	Nguyễn Đức Phát	CĐ-CNOT17A	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
295.	Trần Lê Hoàng Việt	CĐ-CNOT17A	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
296.	Trịnh Việt Thắng	CĐ-CNOT17A	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
297.	Vũ Quang Huy	CĐ-CNOT17A	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
298.	Bùi Văn Đức	CĐ-CNOT17A	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
299.	Nguyễn Minh Khôi	CĐ-CNOT17A	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
300.	Kiều Quang Duy	CĐ-CNOT17B	7,8	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
301.	Đồng Trọng Nghĩa	CĐ-CNOT17B	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
302.	Nguyễn Hoàng Phát	CĐ-CNOT17B	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
303.	Nguyễn Thanh An	CĐ-CNOT17B	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
304.	Nguyễn Đăng Kỳ	CĐ-CNOT17B	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
305.	Nguyễn Cao Thành Bin	CĐ-CNOT17B	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
306.	Phan Tấn Chơn	CĐ-CNOT17B	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
307.	Võ Thành Công Danh	CĐ-CNOT17B	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
308.	Phan Văn Khanh	CĐ-CNOT17B	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
309.	Vũ Trần Tiến	CĐ-CNOT17B	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí

Stt	Họ và tên	Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
			ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B	C	D	E	F	I=E+F	J
310.	Võ Đại Thành	CĐ-CNOT17B	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
311.	Diệp Bảo Khang	CĐ-CNOT17B	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
312.	Nguyễn Đình Thiên	CĐ-CNOT17B	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
313.	Lê Nguyễn Vĩnh Thọ	CĐ-CNOT17B	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
314.	Trần Tiến Phước	CĐ-CNOT17B	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
315.	Nguyễn Hữu Đạt	CĐ-CNOT17B	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
316.	Ngô Bảo Khang	CĐ-CNOT17B	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
317.	Ngô Chấn Khang	CĐ-CNOT17B	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
318.	Lê Hoàng Vũ	CĐ-CNOT17B	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
319.	Phan Ngọc Hiền	CĐ-CNOT17C	8,2	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
320.	Trần Gia Bảo	CĐ-CNOT17C	7,9	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
321.	Tô Văn Vương	CĐ-CNOT17C	7,9	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
322.	Nguyễn Thanh Tuấn	CĐ-CNOT17C	7,8	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
323.	Phạm Văn Nghĩa	CĐ-CNOT17C	7,6	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
324.	Nguyễn Phúc	CĐ-CNOT17C	7,6	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
325.	Lâm Hoàng Anh	CĐ-CNOT17C	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
326.	Đỗ Quốc Huy	CĐ-CNOT17C	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
327.	Phạm Tuấn Phong	CĐ-CNOT17C	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí

Stt	Họ và tên	Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
			ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B	C	D	E	F	I=E+F	J
328.	Nguyễn Ngọc Đại Dương	CĐ-CN0T17C	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
329.	Đoàn Trí Khôi	CĐ-CN0T17C	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
330.	Đoàn Hữu Thuận	CĐ-CN0T17C	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
331.	Ngô Trọng Đức	CĐ-CN0T17C	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
332.	Nguyễn Ngọc Hải	CĐ-CN0T17C	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
333.	Lê Đức Kiệt	CĐ-CN0T17C	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
334.	Võ Anh Kỳ	CĐ-CN0T17C	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
335.	Mang Nhân	CĐ-CN0T17C	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
336.	Cao Linh Tâm	CĐ-CN0T17C	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
337.	Ngô Trường Vũ	CĐ-CN0T17C	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
338.	Lê Tấn Thông	CĐ-CN0T17C	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
339.	Trần Minh Thùy	CĐ-CBMA18	8,7	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
340.	Nguyễn Thị Hoài My	CĐ-CBMA18	7,8	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
341.	Phan Kiến Tường	CĐ-CBMA18	7,8	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
342.	Võ Quốc Việt	CĐ-CBMA18	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
343.	Nguyễn Quốc Anh	CĐ-CBMA18	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
344.	Trần Đình Kỳ	CĐ-CBMA18	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa DL-MT
345.	Võ Thị Ngọc Trà	CĐ-CBMA18	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT

Stt	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
				ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B		C	D	E	F	I=E+F	J
346.	Phạm Văn	Quý	CĐ-CBMA18	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa DL-MT
347.	Đỗ Xuân	Dương	CĐ-CBMA18	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa DL-MT
348.	Phan Công	Ngọc	CĐ-CBMA18	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa DL-MT
349.	Nguyễn Thanh	Tùng	CĐ-CBMA18	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa DL-MT
350.	Trần Võ Hoài	Nam	CĐ-CBMA18	7,0	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
351.	Thị	Ý	CĐ-CBTP18	8,1	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
352.	Nguyễn Trương Mỹ	Kim	CĐ-CBTP18	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
353.	Thái Thị	Thủy	CĐ-CBTP18	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
354.	Nguyễn Lê Phước	Thịnh	CĐ-HDDL18	8,5	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
355.	Lê Văn	Quân	CĐ-HDDL18	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
356.	Vũ Quang	Thắng	CĐ-HDDL18	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
357.	Nguyễn Tấn	Hoàng	CĐ-HDDL18	7,1	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
358.	Trần Xuân	Như	CĐ-HDDL18	7,1	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
359.	Lê Thị	Vi	CĐ-KTDN18	9,2	Xuất sắc	Xuất sắc	SV Xuất sắc	Khoa DL-MT
360.	Lê Thị Yến	Nhi	CĐ-KTDN18	8,8	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
361.	Trần Văn	Danh	CĐ-KTDN18	8,6	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
362.	Nguyễn Thị Ngô Xuân	Quỳnh	CĐ-KTDN18	8,3	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
363.	Nguyễn Ngọc Thanh	Vân	CĐ-KTDN18	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT

Stt	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
				ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B		C	D	E	F	I=E+F	J
364.	Nguyễn Hậu Như	Đức	CĐ-KTDN18	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
365.	Trần Phương	Hoài	CĐ-QTKS18	8,3	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
366.	Nguyễn Phan Vân	Khánh	CĐ-QTKS18	8,0	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
367.	Bùi Thị Ngọc	Thơm	CĐ-QTKS18	8,0	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa DL-MT
368.	Huỳnh Văn	An	CĐ-QTKS18	7,9	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
369.	Nguyễn Thị Bích	Dung	CĐ-QTKS18	7,9	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
370.	Trần Thị Ánh	Hoa	CĐ-QTKS18	7,8	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
371.	Nguyễn Công	Sang	CĐ-QTKS18	7,8	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
372.	Phan Hà	Phương	CĐ-QTKS18	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
373.	Mẫu Thị Mai Phúc Ngọc	Trâm	CĐ-QTKS18	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
374.	Lê Phan Quỳnh	Như	CĐ-QTKS18	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
375.	Huỳnh Phương	Linh	CĐ-QTKS18	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa DL-MT
376.	Nguyễn Ngọc	Vương	CĐ-QTKS18	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
377.	Bo Huyền Ngọc Yến	Vy	CĐ-QTKS18	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa DL-MT
378.	Võ Đức	Nguyên	CĐ-ĐCN18A	8,1	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
379.	Phan Thành	Long	CĐ-ĐCN18A	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
380.	Trần Văn	Bính	CĐ-ĐCN18A	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
381.	Trần Hoàng	Phong	CĐ-ĐCN18A	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT

Stt	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
				ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B		C	D	E	F	I=E+F	J
382.	Nguyễn Ngọc Bảo	Duy	CĐ-ĐCN18B	7,6	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
383.	Nguyễn Võ Thanh	Hưng	CĐ-ĐCN18B	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
384.	Võ Kim Minh	Khôi	CĐ-ĐCN18B	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
385.	Nguyễn Trần Tiến	Thắng	CĐ-ĐCN18B	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
386.	Ngô Sinh	Truyền	CĐ-KTML18A	8,3	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
387.	Phạm Thành	Huy	CĐ-KTML18A	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
388.	Lương Lý	Tịnh	CĐ-KTML18A	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
389.	Trần Anh	Thắng	CĐ-KTML18A	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
390.	Nguyễn Minh	Hoàng	CĐ-KTML18A	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
391.	Nguyễn Thanh	Minh	CĐ-KTML18A	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
392.	Phùng Văn	Cường	CĐ-KTML18A	7,2	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
393.	Trần Văn	Hoạt	CĐ-KTML18A	7,2	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
394.	Nguyễn Ngọc	Duy	CĐ-KTML18A	7,1	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
395.	Nguyễn Trung	Kiên	CĐ-KTML18A	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
396.	Nguyễn Minh	Tâm	CĐ-KTML18A	7,0	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
397.	Đặng Duy	Thạch	CĐ-KTML18A	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
398.	Nguyễn Văn	Bình	CĐ-KTML18B	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
399.	Nguyễn Văn	Đạt	CĐ-KTML18B	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT

Stt	Họ và tên	Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
			ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B	C	D	E	F	I=E+F	J
400.	Đỗ Thái Dương	CĐ-KTML18B	7,0	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
401.	Nguyễn Anh Hào	CĐ-KTML18B	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
402.	Huỳnh Văn Hiếu	CĐ-KTML18B	7,2	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
403.	Dụng Minh Hoàng	CĐ-KTML18B	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
404.	Nguyễn Minh Huy	CĐ-KTML18B	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
405.	Trương Trần Quốc Huy	CĐ-KTML18B	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
406.	Nguyễn Khắc Minh Quân	CĐ-KTML18B	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
407.	Nguyễn Huỳnh Minh Tấn	CĐ-KTML18B	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
408.	Nguyễn Kim Thạch	CĐ-KTML18B	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
409.	Đạo Thập Anh	CĐ-ĐĐT18	8,0	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
410.	Trần Ngọc Châu	CĐ-ĐĐT18	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
411.	Nguyễn Đình Duy	CĐ-ĐĐT18	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
412.	Nguyễn Thành Nhân	CĐ-ĐĐT18	7,1	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
413.	Đỗ Trần Trịnh Phong	CĐ-ĐĐT18	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
414.	Bùi Văn Thịnh	CĐ-ĐĐT18	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
415.	Kinh Quang Triệu	CĐ-ĐĐT18	7,2	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
416.	Võ Duy Anh	CĐ-CNTT18A	7,9	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
417.	Đỗ Chí Đức	CĐ-CNTT18A	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT

Stt	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
				ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B		C	D	E	F	I=E+F	J
418.	Nguyễn Hoàng	Hải	CĐ-CNTT18A	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
419.	Phạm Hoàng	Hải	CĐ-CNTT18A	7,0	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
420.	Nguyễn Quốc	Huy	CĐ-CNTT18A	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
421.	Trần Quốc	Huy	CĐ-CNTT18A	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
422.	Võ Thành	Phúc	CĐ-CNTT18A	7,6	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
423.	Nguyễn Anh	Quân	CĐ-CNTT18A	7,5	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
424.	Lê Hoàng Anh	Tiên	CĐ-CNTT18A	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
425.	Võ Kim	Trúc	CĐ-CNTT18A	7,0	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
426.	Hồ Sỹ Ngọc	Hải	CĐ-CNTT18B	8,0	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Đ-ĐT
427.	Võ Đức	Anh	CĐ-CNTT18B	7,8	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
428.	Phạm Ngọc	Hiếu	CĐ-CNTT18B	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
429.	Võ Tiến	Đạt	CĐ-CNTT18B	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
430.	Bo Mang Quốc	Hoàng	CĐ-CNTT18B	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
431.	Lê Trần	Thanh	CĐ-CNTT18B	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
432.	Cao Bảo	Đại	CĐ-CNTT18B	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
433.	Lê Ngọc	Khôi	CĐ-CNTT18B	7,1	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
434.	Cao Văn	Thượng	CĐ-CNTT18B	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Đ-ĐT
435.	Nguyễn Chung	Nhân	CĐ-CGKL18	8,2	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí

Stt	Họ và tên	Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
			ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B	C	D	E	F	I=E+F	J
436.	Nguyễn Nhi Hùng	CĐ-CGKL18	8,1	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
437.	Nguyễn Ngô Gia Bình	CĐ-CGKL18	8	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
438.	Lê Quang Hưng	CĐ-CGKL18	7,9	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
439.	Võ Thành Tiên	CĐ-CGKL18	7,8	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
440.	Nguyễn Đăng Khoa	CĐ-CGKL18	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
441.	Trần Lê Trung Lập	CĐ-CGKL18	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
442.	Hồ Thanh Hải	CĐ-CGKL18	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
443.	Nguyễn Anh Quân	CĐ-CGKL18	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
444.	Lê Minh Thuận	CĐ-CGKL18	7,1	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
445.	Võ Thành Nhiên	CĐ-CGKL18	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
446.	Mai Ka Ka	CĐ-CGKL18	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
447.	Trương Quốc Huy	CĐ-CGKL18	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
448.	Võ Thành Tiên	CĐ-CGKL18	7	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
449.	Võ Quốc Việt	CĐ-CGKL18	7	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
450.	Trần Đình Cường	CĐ-KTXD18	8,4	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
451.	Lương Nguyễn Quang Trường	CĐ-KTXD18	8,1	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
452.	Nguyễn Tô Thành Thuận	CĐ-KTXD18	8,2	Giỏi	Khá	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
453.	Nguyễn Ngọc Yến Vy	CĐ-KTXD18	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí

Stt	Họ và tên	Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
			ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B	C	D	E	F	I=E+F	J
454.	Huỳnh Quốc Tuấn	CĐ-KTXD18	7,6	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
455.	Kiều Ngọc Hoàng Anh	CĐ-KTXD18	7	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
456.	Lê Anh Duy	CĐ-CNOT18A	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
457.	Nguyễn Trung Tín	CĐ-CNOT18A	7,7	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
458.	Phạm Trí Tài	CĐ-CNOT18A	7,6	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
459.	Phạm Ngọc Tiên	CĐ-CNOT18A	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
460.	Hồ Trọng Phúc	CĐ-CNOT18A	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
461.	Nguyễn Đắc Thông	CĐ-CNOT18A	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
462.	Lê Gia Bách	CĐ-CNOT18A	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
463.	Trần Đức Anh Minh	CĐ-CNOT18A	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
464.	Trần Mạnh Linh	CĐ-CNOT18A	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
465.	Nguyễn Thanh Duy	CĐ-CNOT18A	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
466.	Mạc Hoàng Sa	CĐ-CNOT18A	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
467.	Nguyễn Trọng Hiếu	CĐ-CNOT18A	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
468.	Lê Phong Hào	CĐ-CNOT18A	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
469.	Huỳnh Hà Chương Đại	CĐ-CNOT18A	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
470.	Nguyễn Hoàng Phú	CĐ-CNOT18A	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
471.	Từ Hữu Quân	CĐ-CNOT18A	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí

Stt	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
				ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B		C	D	E	F	I=E+F	J
472.	Mai Văn	Hùng	CĐ-CNOT18A	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
473.	Trịnh Quốc	Bình	CĐ-CNOT18A	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
474.	Nguyễn Hoàn	Vũ	CĐ-CNOT18A	7	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
475.	Phạm Đăng	Khôi	CĐ-CNOT18A	7	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
476.	Võ Thành	Tân	CĐ-CNOT18B	8	Giỏi	Tốt	SV Giỏi	Khoa Cơ khí
477.	Nguyễn Huỳnh	Thiện	CĐ-CNOT18B	8	Giỏi	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
478.	Lưu Hồng	Nam	CĐ-CNOT18B	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
479.	Nguyễn Trọng	Lực	CĐ-CNOT18B	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
480.	Nguyễn Anh	Quân	CĐ-CNOT18B	7,4	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
481.	Lưu Văn	Sự	CĐ-CNOT18B	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
482.	Nguyễn Duy Khải	Hoàng	CĐ-CNOT18B	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
483.	Nguyễn Hùng	Dũng	CĐ-CNOT18B	7,3	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
484.	Lê Văn	Huy	CĐ-CNOT18B	7,2	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
485.	Nguyễn Huỳnh	Phúc	CĐ-CNOT18B	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
486.	Phạm Anh	Tuấn	CĐ-CNOT18B	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
487.	Lê Thanh	Vinh	CĐ-CNOT18B	7	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
488.	Phạm Ngọc	Sang	CĐ-CNOT18C	7,7	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
489.	Ngô Quốc	Anh	CĐ-CNOT18C	7,6	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí

Stt	Họ và tên		Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
				ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B		C	D	E	F	I=E+F	J
490.	Nguyễn Quốc	Việt	CĐ-CN0T18C	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
491.	Nguyễn Hoàng Minh	Trí	CĐ-CN0T18C	7,5	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
492.	Nguyễn Hữu	Tú	CĐ-CN0T18C	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
493.	Phạm Trung	Kiên	CĐ-CN0T18C	7,4	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
494.	Lê Thành	Luận	CĐ-CN0T18C	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
495.	Lê Văn Tuấn	Vũ	CĐ-CN0T18C	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
496.	Nguyễn Ngọc Hoài	Nghiêm	CĐ-CN0T18C	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
497.	Võ Tấn	Liêm	CĐ-CN0T18C	7,3	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
498.	Võ Nhật	Bình	CĐ-CN0T18C	7,2	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
499.	Bạch Quốc	Khánh	CĐ-CN0T18C	7,2	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
500.	Phan Phúc	Hoàng	CĐ-CN0T18C	7,2	Khá	Tốt	SV Khá	Khoa Cơ khí
501.	Trần Văn	Lâm	CĐ-CN0T18C	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
502.	Lê Ngọc Minh	Toàn	CĐ-CN0T18C	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
503.	Nguyễn Hoàng Thanh	Quân	CĐ-CN0T18C	7,1	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
504.	Đinh Quốc	Phú	CĐ-CN0T18C	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
505.	Nguyễn Tấn	Lộc	CĐ-CN0T18C	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí
506.	Huỳnh Văn	Nguyên	CĐ-CN0T18C	7,0	Khá	Khá	SV Khá	Khoa Cơ khí

Danh sách này có 506 sinh viên

Trong đó: Sinh viên Xuất sắc : 01 sinh viên

Stt	Họ và tên	Lớp	Kết quả học tập, rèn luyện			Danh hiệu Sinh viên	Khoa
			ĐHT	XLHT	XLRL		
A	B	C	D	E	F	I=E+F	J

Sinh viên Giỏi : 81 sinh viên

Sinh viên Khá : 424 sinh viên

Tổng cộng:

STT	Khóa	Lớp HSSV Tiên tiến	Cá nhân HSSV			
			HSSV Xuất sắc	HSSV Giỏi	HSSV Khá	Tổng cộng
01	Trung cấp khóa 17	4	1	39	45	85
02	Trung cấp khóa 18	1		7	80	87
03	Cao đẳng khóa 16	6		24	122	146
04	Cao đẳng khóa 17	8		37	155	192
05	Cao đẳng khóa 18	6	1	20	147	168
	Tổng cộng	25	2	127	549	678